

ĐỀ CHÍNH THỨC

I. MỤC TIÊU.

Kiểm tra mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng của học sinh về:

1. Kiến thức:

- + Đại số: Nắm vững các dạng bài tập về các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên lũy thừa của số hữu tỉ. So sánh được các số hữu tỉ; số đối của một số hữu tỉ.
- + Hình học: Nắm vững các khái niệm về hình hộp chữ nhật, hình lập phương, hình lăng trụ đứng. Các công thức tính diện tích xung quanh, thể tích. Hai góc kề nhau, hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh. Áp dụng tính được số đo các góc.

2. Kỹ năng: Kiểm tra kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học và cách trình bày bài giải của HS.

3. Thái độ :

- Cẩn thận, chính xác trong tính toán, lập luận.
- Thái độ nghiêm túc, độc lập suy nghĩ trong khi làm bài kiểm tra.
- Trình bày bài rõ ràng, khoa học.

4. Định hướng phát triển năng lực: Thông qua bài kiểm tra đánh giá được năng lực của học sinh về: Thu thập thông tin dữ liệu, năng lực hiểu các vấn đề, năng lực ứng dụng, năng lực phân tích, năng lực tổng hợp, năng lực đánh giá, năng lực tính toán...

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA:

- Đề kiểm tra : Trắc nghiệm khách quan 30%, Tự luận 70%
- Số lượng câu hỏi: Trắc nghiệm: 06 câu; Tự luận: 8 bài
- Học sinh làm bài trực tiếp trong thời gian 90 phút

III. Ma trận đề

**MA TRẬN KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
MÔN: TOÁN 7 - NĂM HỌC: 2023-2024**

Thời gian làm bài: 90 phút - Đề ra theo hình thức: Trắc nghiệm 30% - tự luận 70%

(Đính kèm Công văn số /SGDDT-GDTrHTX ngày /10/2022 của Sở GDĐT tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)

Chủ đề	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng
	TN	TL	TN	TL	Thấp (TL)	Cao (TL)	
SỐ HỮU TỈ	- Nhận biết được tập hợp số hữu tỉ; - Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ; - Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ; - So sánh được hai số hữu tỉ; - Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa trong tập hợp số hữu tỉ;						

	- Tìm được giá trị chưa biết trong đẳng thức; - Vận dụng các tính chất phép cộng, phép nhân số hữu tỉ để tính nhanh; - Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với việc thực hiện phép cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa với số mũ tự nhiên của số hữu tỉ.						
Số câu Số điểm	2 0,5 10%		1 0,5 5%	3 1,0 30%	1 1,0 10%	1 0,5 5%	8 6,0 60%
CÁC HÌNH KHỐI TRONG THỰC TIỄN	- Mô tả được các yếu tố đỉnh, cạnh, góc, đường chéo của hình hộp chữ nhật và hình lập phương; - Mô tả được các yếu tố đỉnh, mặt bên, mặt đáy, chiều cao của hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác; - Tính được thể tích, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương, hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác; - Tính được diện tích xung quanh và thể tích một số vật thể trong thực tiễn có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương, hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.						
Số câu Số điểm	1 0,5 5%		1 0,5 5%		1 1,5 15%	1 0,5 5%	4 3,0 30%
GÓC VÀ ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG	- Nhận biết được các góc ở vị trí đặc biệt: hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh; - Nhận biết được hai đường thẳng vuông góc; tia phân giác của một góc; - Tính được số đo góc dựa vào định nghĩa tia phân giác một góc, tính chất hai góc đối đỉnh và hai góc kề bù.						
Số câu Số điểm	1 0,5 5%				1 0,5 5%		2 1,0 10%
Tổng Số câu Tổng Số điểm	4 2,0 20%		2 0,5 10%	3 1,0 30%	3 3,0 30%	2 1 10%	14 10 100%

ĐỀ CHÍNH THỨC

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,5 điểm.

Hãy khoanh tròn vào phương án đúng trong mỗi câu dưới đây:

Câu 1. Số đối của $\frac{-2}{3}$ là

A. $\frac{2}{3}$.

B. $\frac{3}{2}$.

C. $\frac{-3}{2}$.

D. $\frac{2}{-3}$.

Câu 2. Trong các khẳng định sau. Khẳng định đúng là

A. $1\frac{1}{5} \notin Q$.

B. $3 \in Q$.

C. $\frac{2}{3} \in N$.

D. $-\frac{1}{7} \in Z$.

Câu 3. Hãy viết kết quả của phép tính $\left(-\frac{2}{3}\right)^3 \cdot \left(-\frac{2}{3}\right)^2$ dưới dạng lũy thừa.

A. $\left(-\frac{4}{9}\right)^5$.

B. $-\frac{2}{3}$.

C. $\left(-\frac{3}{2}\right)^5$.

D. $\left(-\frac{2}{3}\right)^5$.

Câu 4. Kết quả của phép tính $\frac{-3}{20} + \frac{-2}{15}$ là

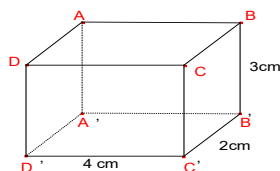
A. $\frac{-1}{35}$.

B. $\frac{-17}{60}$.

D. $\frac{-5}{35}$.

D. $\frac{-1}{60}$.

Câu 5. Thể tích của hình hộp chữ nhật bên là



A. 6 cm^3 .

B. 8 cm^3 .

C. 12 cm^3 .

D. 24 cm^3 .

Câu 6.

Gọi Om là tia phân giác của góc xÔy, biết góc xÔm bằng 60° thì góc xÔy bằng bao nhiêu?

A) 60°

B) 30°

C) 120°

D) 180°

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) (mỗi câu 0,5 đ) Thực hiện phép tính,

a) $1\frac{2}{5} + 3\frac{3}{5}$

b) $\left(\frac{-5}{9}\right) \cdot \frac{3}{11} + \left(\frac{-4}{9}\right) \cdot \frac{3}{11}$

c) $2023 - \left(\frac{1}{3}\right)^2 \cdot 3^2$

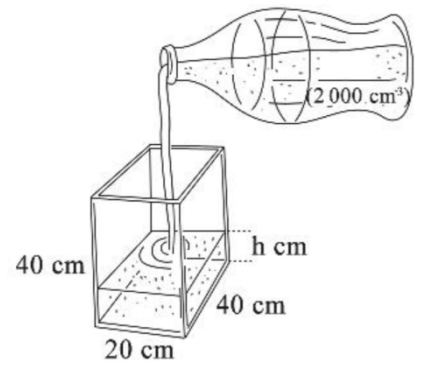
d) $\frac{5^{16} \cdot 27^7}{125^5 \cdot 9^{11}}$

Bài 2 . (1,5 điểm) Tìm x, biết:

a) $x - \frac{2}{3} = \frac{-1}{3}$

b) $\frac{7}{3} \cdot x + \frac{4}{7} = \frac{-3}{7}$

Bài 3 . (0,5 điểm) Một cái bể hình hộp chữ nhật và một cái chai có kích thước và thể tích như hình bên dưới. Cho biết một chai nước đầy rót hết vào bể có thể tích là 2000 cm^3

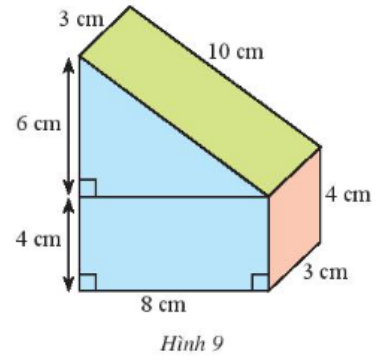


Tính chiều cao mực nước sau khi rót hết một chai nước vào bể.

Bài 4 : (1,5 điểm)

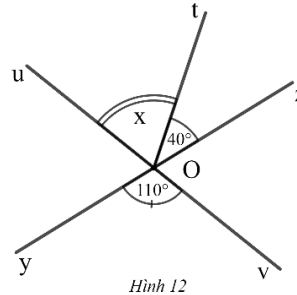
Chiếc hộp hình lăng trụ có 2 đáy là hình thang và các mặt bên là hình chữ nhật.

- Tính diện tích xung quanh hình lăng trụ .
- Tính diện tích phần sơn không kể phần nằm dưới đất theo hình đã cho .



Bài 5 : (1 điểm) Quan sát hình vẽ

- Góc đối đỉnh với $\angle yOv$ là góc nào ?
- tìm số đo x của góc $\angle uOt$?



Bài 6 .(0,5 điểm) Chào mừng năm học mới , Thế giới di động giảm giá một dòng máy tính bảng như sau: Đợt I giảm 10%, đợt II giảm 8% so với giá sau khi đã giảm ở đợt I. Chiếc máy tính bảng giá ban đầu là 20 000 000 đồng. Hỏi sau 2 đợt giảm giá chiếc máy tính bảng bán với giá bao nhiêu?

.....HẾT.....

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,5 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6
Đ/án đề	A	B	D	B	D	C

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài	Lời giải	Điểm
1a (0,5đ)	$1\frac{2}{5} + 3\frac{3}{5} = \frac{7}{5} + \frac{18}{5}$ $= \frac{25}{5} = 5$	0,25 0,25
1b (0,5đ)	$\left(\frac{-5}{9}\right) \cdot \frac{3}{11} + \left(\frac{-4}{9}\right) \cdot \frac{3}{11}$ $= \frac{3}{11} \cdot \left[\left(\frac{-5}{9}\right) + \left(\frac{-4}{9}\right)\right]$ $= \frac{3}{11} \cdot (-1) = \frac{-3}{11}$	0,25 0,25
1c (0,5đ)	$2023 - \left(\frac{1}{3}\right)^2 \cdot 3^2$ $= 2023 - \frac{1}{9} \cdot 9$ $= 2023 - 1 = 2022$	0,25 0,25
1d (0,5đ)	d) $\frac{5^{16} \cdot 27^7}{125^5 \cdot 9^{11}} = \frac{5^{16} \cdot (3^3)^7}{(5^3)^5 \cdot (3^2)^{11}}$ $= \frac{5^{16} \cdot 3^{21}}{5^{15} \cdot 3^{22}} = \frac{5}{3}$	0,25 0,25
Bài 2a (0,75đ)	$x - \frac{2}{3} = \frac{-1}{3}$ $x = \left(\frac{-1}{3}\right) + \frac{2}{3}$ $x = \frac{1}{3}$	0,5 0,25
2b (0,75đ)	$\frac{7}{3} \cdot x + \frac{4}{7} = \frac{-3}{7}$ $\frac{7}{3} \cdot x = \left(\frac{-3}{7}\right) - \frac{4}{7}$ $\frac{7}{3} \cdot x = -1$ $x = -1 : \frac{7}{3}$ $x = -\frac{3}{7}$	0,25 0,25 0,25
Bài 3	Chiều cao mực nước sau khi rót hết một chai nước vào bể	

(0,5 đ)	$h = \frac{V}{a.b} = \frac{2000}{20.40} = 2,5 \text{ cm}$	0,5
Bài 4 (1,5đ)	Diện tích xung quanh chiếc hộp là: $S_{xq} = C_{\text{đáy}} \cdot h$ $= (6+4+8+4+10).3 = 96 \text{ (cm}^2\text{)}$	0,75
	Diện tích 2 đáy là : $S_{2\text{đáy}} = (10+4). 8 : 2 \cdot 2 = 112 \text{ (cm}^2\text{)}$	0,75
	Các mặt cần sơn gồm hai mặt đáy và 3 mặt bên (trừ mặt bên dưới) ⇒ Diện tích phần cần sơn là: $96 + 112 - 8.3 = 184 \text{ (cm}^2\text{)}$	
Bài 5 (1 đ)	a) Góc đối đỉnh với góc yÔv là góc uÔz	0,5
	b) Vì hai góc $\widehat{yOv}$ và $\widehat{uOz}$ là hai góc đối đỉnh nên $\widehat{yOv} = \widehat{uOz} = 110^\circ$	
	Ta có: Vì $\widehat{uOt}$ kề với $\widehat{tOz}$ nên $\widehat{uOt} + \widehat{tOz} = \widehat{uOz}$ $\widehat{uOt} + 40^\circ = 110^\circ$ $\widehat{uOt} = 110^\circ - 40^\circ = 70^\circ$	0,5
Bài 6 (0,5,đ)	Giá của chiếc máy tính bảng sau 2 đợt giảm là $20000000.(100\% - 10\%).(100\% - 8\%) = 16560000 \text{ đồng}$	0,5

Ghi chú: Học sinh trả lời hoặc giải bằng những cách khác đúng vẫn chấm điểm tối đa.

--- Hết ---